

# NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO TẠI CÁC CÔNG TY THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

● HUỖNH NGỌC MINH TUYỀN - ĐỖ TẤN ĐẠT - BÙI THANH LONG - NGUYỄN THỊ DIỄM TRINH

## TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ước tính kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho (DPGG HTK) các Công ty thương mại và dịch vụ tại đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy các yếu tố: Nhu cầu tiêu dùng; Hệ thống thông tin kế toán; Năng lực nhân viên; Chính sách của chính phủ và Tính chất của hàng hóa là những yếu tố tác động mạnh mẽ trong việc lập ước tính kế toán DPGG HTK. Từ đó, tác giả đề xuất các hàm ý quản trị cho nhà quản trị, kế toán viên tại các Công ty thương mại, dịch vụ ở đồng bằng sông Cửu Long trong việc lập báo cáo tài chính dưới điều kiện khủng hoảng y tế do Covid-19 gây ra.

**Từ khóa:** kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho, thương mại, dịch vụ.

## 1. Đặt vấn đề

Hàng tồn kho luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, là yếu tố trọng yếu trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Khi thị trường hàng hóa có nhiều biến động do khủng hoảng kinh tế, y tế,... thì việc lập DPGG HTK trở nên vô cùng cần thiết. Nó không những giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro, giảm bớt các thiệt hại kinh tế có thể xảy ra từ môi trường kinh doanh của doanh nghiệp trong tương lai, mà còn làm tăng tính chính xác và trung thực của báo cáo tài chính. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế đang lâm vào khủng hoảng do đại dịch Covid-19, việc lập ước tính kế toán DPGG HTK trở nên khó khăn hơn khi Việt Nam và nhiều quốc gia buộc phải đóng cửa biên giới nhằm ngăn chặn sự lây lan của Covid-19, nó tạo ra một bức tường chắn giữa cung và cầu làm nhiễu loạn các

mốc thời gian bán ra và mua vào, khiến hoạt động mua bán, trao đổi của các doanh nghiệp bị đình trệ, làm cho chuỗi cung ứng hàng hóa bị gián đoạn, hàng hóa không thể xuất khẩu, nguyên vật liệu đầu vào bị khan hiếm.

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê trong 7 tháng đầu năm 2021, Việt Nam có 79.700 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, đang hoặc đã làm thủ tục giải thể, trung bình có gần 11.400 doanh nghiệp rút ra khỏi thị trường mỗi tháng (GOS, 2021), nếu hoạt động thì chỉ đạt 10 - 15% công suất kinh doanh. Điều này dẫn đến sự thiếu hụt hàng hóa, thành phẩm, nguyên vật liệu trong thời gian dài, đồng thời khiến cho tốc độ chuyển hóa HTK của doanh nghiệp bị chậm lại đáng kể, gây khó khăn cho kế toán viên trong việc thực hiện lập ước tính kế toán DPGG HTK, nhất là đối với các công ty thương mại, dịch vụ.

Để có thể lập ước tính DPGG HTK phù hợp với tình hình kinh doanh trong điều kiện kinh tế khủng hoảng dưới sự tác động của Covid-19, đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình biến động thị trường, giá cả, tỷ lệ cung cầu, chính sách, pháp luật, để phân tích các yếu tố rủi ro khách quan lẫn chủ quan từ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Từ đó cho thấy việc thường xuyên đánh giá lại các ước tính kế toán DPGG HTK trên báo cáo tài chính và các nhân tố có tác động trực tiếp đến chúng trong tình hình kinh tế có nhiều biến động (trường hợp Covid-19) là hết sức cần thiết. Vì vậy, nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ước tính kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho các công ty thương mại và dịch vụ tại đồng bằng sông Cửu Long”.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Hiện nay, các cơ sở lý thuyết trong nước về ước tính kế toán DPGG HTK vẫn chưa được phong phú, chủ yếu là các nghiên cứu tập trung vào kế toán hàng tồn kho. Trong khi đó, các công trình nghiên cứu ngoài nước đã nêu lên khá đầy đủ về nền tảng, cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến ước tính kế toán HTK.

Theo Xin Chen và cộng sự (2006) cho rằng việc ước tính kế toán DPGG HTK cần phải căn cứ vào lịch sử giao dịch từng loại hàng hóa trên thị trường trong chu kỳ là 5 năm để đảm bảo các giá trị ước tính trung thực và khách quan. Bên cạnh đó, Baruch Lev và cộng sự (2010) đã cho thấy được chất lượng ước tính kế toán thông qua các dự báo về thị trường và mức độ tăng trưởng của nền kinh tế, giúp cho doanh nghiệp xác định được dòng tiền và các khoản thu nhập trong tương lai. Cụ thể, các ước tính kế toán DPGG HTK cũng là một thành phần trong chỉ tiêu ước tính kế toán, giúp cho doanh nghiệp đảm bảo tính trung thực giá trị tài sản trong tương lai.

Azmi, Fitriati, and Mulyani Sri, (2020) cho rằng, mối liên hệ giữa kế toán và thành công của hệ thống thông tin kế toán liên quan đáng kể đến chất lượng thông tin kế toán.

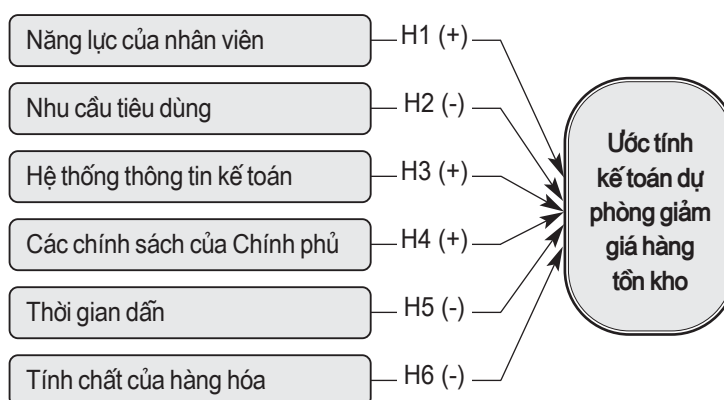
Tác giả Evelyne Kambura Ngatuni, (2018), với kết quả nghiên cứu 81% ý kiến cho rằng việc quản lý hồ sơ HTK ảnh hưởng đến việc quản lý HTK trong ngành sản xuất và 92% tổng số người được hỏi cho rằng năng lực của nhân viên và 81% cho ra rằng việc quản lý hồ sơ HTK ảnh hưởng đến việc quản lý HTK trong ngành sản xuất và tác giả Igal Hendel và Aviv Nevo (2006), cho rằng các chương trình khuyến mãi giảm giá đối với các mặt HTK là phổ biến. Đối với nhiều doanh nghiệp và người tiêu dùng, họ thường có tâm lý mua và dự trữ khi sản phẩm, hàng hóa ở mức giá thấp cho việc sử dụng trong tương lai. Kết quả nghiên cứu nhận định khi xây dựng các ước tính kế toán DPGG HTK, cần xem xét các yếu tố về chiến lược giảm giá sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp trong chu kỳ của hàng hóa khi lập dự phòng.

## 3. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Đề xuất mô hình nghiên cứu

Dựa vào các công trình nghiên cứu trước đây như Nurwin Fozia Rajab và cộng sự, (2007), Evelyne Kambura Ngatuni, (2018) và Christopher.W.Hart và cộng sự, (1999), tác giả đã kế thừa, chọn lọc và đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình 1.

**Hình 1: Khung nghiên cứu tác giả đề xuất**



*Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên nghiên cứu của các tác giả Nurwin Fozia Rajab, Evelyne Kambura Ngatuni*

### 3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để có số liệu phù hợp, tác giả đã phỏng vấn các chuyên gia tài chính kế toán và sử dụng phương pháp chọn mẫu theo Tabachnich & Fiedell (1996). Theo đó, nhóm thu thập được 146 quan sát thông qua bảng câu hỏi thu thập thông tin

từ các công ty thương mại, dịch vụ tại đồng bằng sông Cửu Long. Số liệu thu thập sẽ được mã hóa, sau đó tiến hành phân tích Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS. Cuối cùng, nhóm tác giả sử dụng mô hình hồi quy đa biến để phân tích các nhân tố tác động đến ước tính kế toán DPGG HTK các công ty thương mại, dịch vụ tại đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam.

Mô hình hồi quy đa biến (Multivariate Regression Analysis) có dạng:

$$WHTK = \beta_0 + \beta_1 NCTD + \beta_2 TTKT + \beta_3 CS + \beta_4 TGD + \beta_5 NL + \beta_6 TC + \varepsilon$$

Trong đó:

WHTK là ước tính kế toán DPGG HTK, NCTD là nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng, TTKT là hệ thống thông tin kế toán, CS là chính sách của chính phủ, TGD là thời gian dẫn, NL là năng lực của nhân viên, TC là tính chất hàng hóa.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Đánh giá độ tin cậy của các thang đo biến độc lập, phụ thuộc bằng hệ số Cronbach's Alpha

Kết quả chạy Cronbach's Alpha cho các thang đo của biến độc lập và phụ thuộc đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0.3 và hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0.6. Điều đó cho thấy, các biến quan sát đều thể hiện được các đặc điểm, tính chất của các biến độc lập và biến phụ thuộc. Như vậy, các biến quan sát đều được giữ lại và tiếp tục thực hiện phân tích EFA.

##### 4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến phụ thuộc

Sau khi đã đánh giá độ tin cậy của các thang đo biến độc lập, 27 biến quan sát sẽ được tiến hành phân tích EFA và cho ra được kết quả như sau:

Qua kiểm định KMO and Bartlett: với chỉ số Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy là (0.884 > 0.5) và mức ý nghĩa sig of Bartlett's test (0.000 < 0.05) đạt yêu cầu. Qua đó cho thấy các biến quan sát trong nhân tố độc lập có độ tin cậy, tương quan cao. Bên cạnh đó kết quả nghiên cứu cũng cho thấy trị số Eigenvalue của 6 nhân tố độc lập đều > 1 (thấp nhất là 1.150) và hệ số tải nhân tố đều có giá trị lớn 0.5; tổng phần trăm tích lũy của 6 nhân tố độc lập trong cột tổng

phương sai trích là 74.596% > 50% là đạt yêu cầu. Kết quả phân tích của ma trận xoay (EFA) ta thấy không có thang đo nào cùng lúc tải 2 nhân tố và các nhân tố không bị xáo trộn với nhau. Vì vậy, 6 biến độc lập (có 27 thang đo) sẽ hình thành ma trận xoay, với 6 nhóm nhân tố riêng biệt và đã đáp ứng được dữ liệu để sử dụng có bước phân tích tiếp theo.

##### 4.3. Phân tích tương quan

Trước khi tiến hành chạy hồi quy, ta sẽ phân tích tương quan cho 6 biến độc lập và biến phụ thuộc bao gồm: Nhu cầu tiêu dùng; Hệ thống thông tin kế toán; Thời gian dẫn; Năng lực của nhân viên; Chính sách pháp luật; Tính chất của hàng hóa và Ước tính kế toán DPGG HTK. Kết quả cho thấy, với mức ý nghĩa Sig = 0.000 < 0.005, giữa các biến độc lập và phụ thuộc có mối quan hệ tương quan tuyến tính với nhau. Tiếp đến là hệ số tương quan Pearson, hệ số này đều > 0.4 cho biết sự tương quan giữa biến độc lập và biến phụ thuộc khá mạnh, trong đó mạnh nhất là TTKT (0.762); CS (0.724); TC (0.695); NL (0.674); NCTD (0.575) và TGD (0.492) với mức ý nghĩa Sig = 0.000 < 0.005 → Mô hình có độ tin cậy cao.

##### 4.4. Kết quả phân tích hồi quy

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình có độ phù hợp cao dựa vào bảng tóm tắt mô hình (Model Summary) cho thấy hệ số tương quan giữa biến độc lập và phụ thuộc cao với R = 0.887; chỉ số R<sup>2</sup> hiệu chỉnh trong mô hình cho ta biết được sự tăng giảm của biến phụ thuộc được giải thích bởi 77.8% biến độc lập và 22.2% được giải thích bởi các sai số ngẫu nhiên và yếu tố khác. Bên cạnh đó, bảng phân tích phương sai ANOVA ta thấy mức ý nghĩa của kiểm định F trong mô hình là 0.000 < 0.05 → mô hình hồi quy là phù hợp.

Kết quả kiểm định của nghiên cứu đã chỉ ra có 5 nhân tố: Hệ thống thông tin kế toán; Chính sách pháp luật; Tính chất của hàng hóa; Năng lực của nhân viên và Nhu cầu tiêu dùng có ảnh hưởng tích cực đến việc ước tính DPGG HTK. Nhân tố Thời gian dẫn không có tác động đến ước tính kế toán dự phòng giảm giá hàng kho khi Sig = 0.206 > 0.05. Như vậy, mô hình phù hợp với dữ liệu nghiên cứu và kết quả cho thấy có 5 trên 6 giả thuyết đề xuất được chấp nhận. (Bảng 1)

Bảng 1. Kết quả phân tích hồi quy

| Model      | Unstandardized Coefficients |            | Standardized Coefficients | t     | Sig. | Correlations |         |      | Collinearity Statistics |       |
|------------|-----------------------------|------------|---------------------------|-------|------|--------------|---------|------|-------------------------|-------|
|            | B                           | Std. Error |                           |       |      | Zero-order   | Partial | Part | Tolerance               | VIF   |
| (Constant) | -.018                       | .107       |                           | -.164 | .870 |              |         |      |                         |       |
| NCTD       | .127                        | .044       | .137                      | 2.888 | .004 | .575         | .238    | .113 | .680                    | 1.471 |
| TTKT       | .262                        | .057       | .271                      | 4.582 | .000 | .762         | .362    | .179 | .437                    | 2.289 |
| TGD        | .063                        | .053       | .055                      | 1.183 | .239 | .492         | .100    | .046 | .715                    | 1.399 |
| NL         | .171                        | .052       | .183                      | 3.322 | .001 | .700         | .271    | .130 | .502                    | 1.993 |
| CS         | .239                        | .054       | .245                      | 4.449 | .000 | .724         | .353    | .174 | .503                    | 1.989 |
| TC         | .221                        | .047       | .244                      | 4.712 | .000 | .695         | .371    | .184 | .571                    | 1.751 |

## 5. Kết luận và kiến nghị

### 5.1. Kết luận

Năng lực của nhân viên có tác động cùng chiều đến việc Ước tính kế toán DPGG HTK (với hệ số  $\beta = 0.183$ ). Chấp nhận H1. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân viên có năng lực và kinh nghiệm sẽ dễ dàng quản lý HTK một cách chi tiết và phản ánh đầy đủ số lượng HTK, tình hình nhập xuất để có thể lập dự phòng đúng theo quy định. Trong điều kiện giá cả thị trường thay đổi liên tục bởi các yếu tố tác động bên trong và ngoài doanh nghiệp, các ước tính kế toán GG HTK luôn cập nhật theo tình hình hiện tại. Năng lực của nhân viên kế toán đóng vai trò quan trọng để giúp các doanh nghiệp dự báo, phân tích thị trường kinh doanh, đề xuất các phương án ước tính kế toán phù hợp để giúp nhà quản trị đưa ra các chiến lược sản xuất - kinh doanh đạt hiệu quả tốt nhất.

Nhu cầu tiêu dùng có tác động cùng chiều đến việc ước tính kế toán DPGG HTK (với hệ số  $\beta = 0.137$ ). Bác bỏ H2. Qua nghiên cứu tại các công ty thương mại, dịch vụ tại đồng bằng sông Cửu Long cho thấy phần lớn các công ty lập kế hoạch sản xuất, thương mại dựa trên nhu cầu của người tiêu dùng. Tuy nhiên, khi đại dịch bùng phát, sự chuyển dịch đột ngột về nhu cầu hàng hóa của khách hàng cụ thể người tiêu dùng có xu hướng mua tích trữ nhiều hơn những nhu yếu phẩm dùng cho gia đình, thay vì những mặt hàng xa xỉ, hàng hóa có độ ứng dụng thấp, không cần thiết. Điều này dẫn đến việc các mặt hàng được nhập về từ những kỳ trước dự định bán ra thị trường bị tồn kho lâu dài, làm giảm chất lượng, giá thành hàng hóa. Do đó, các doanh nghiệp trên địa bàn cần gia tăng khoản trích lập ước tính DPGG HTK cho lượng lớn các mặt hàng được lập kế hoạch sản xuất và bán ra thị trường trong thời gian dịch bệnh được dựa trên nhu cầu của người tiêu dùng từ những kỳ trước.

Hệ thống thông tin kế toán có tác động cùng chiều đến việc ước tính kế toán DPGG HTK (với hệ số  $\beta = 0.271$ ). Chấp nhận H3. Hệ thống thông tin kế toán càng tốt, càng chất lượng sẽ giúp cho các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ tiết kiệm được thời gian và hạn chế phát sinh

các chi phí và việc theo dõi hàng hóa cũng đơn giản hơn, tiện lợi hơn. Nâng cao chất lượng thông tin kế toán sẽ góp phần giúp cho kế toán viên đưa ra được các ước tính kế toán DPGG HTK phù hợp và chính xác trong tình hình hiện tại.

Tính chất của hàng hóa có tác động cùng chiều đến việc ước tính kế toán DPGG HTK (với hệ số  $\beta = 0.244$ ). Bác bỏ H4. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, các hàng hóa có tính chất đặc thù cao cần gia tăng các khoản trích lập dự phòng. Bởi vì giá trị của hàng hóa sẽ bị thay đổi do sự biến thiên về tính hữu dụng của một số sản phẩm, hàng hóa đối với khách hàng làm gia tăng sự chênh lệch giữa giá cả và giá trị sử dụng gây ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định mua sắm của người tiêu dùng, từ đó gây ra nhiều biến động về giá, làm ảnh hưởng đến ước tính kế toán DPGG HTK. Cụ thể, kế toán viên cần gia tăng mức trích lập DPGG HTK đối với các mặt hàng xa xỉ phẩm có giá trị vượt xa mức độ hữu dụng, trong giai đoạn covid-19.

Các chính sách của Chính phủ có tác động cùng chiều đến việc ước tính kế toán DPGG HTK (với hệ số  $\beta = 0.245$ ). Chấp nhận H5. Trước tình hình diễn biến phức tạp của Covid-19, Chính phủ Việt Nam đã ban hành hàng loạt các chính sách khắt khe nhằm hạn chế các thiệt hại do dịch bệnh mang lại. Điều đó đã làm cho các doanh nghiệp phải tạm ngưng hoạt động dẫn đến chuỗi cung ứng bị đứt đoạn, hàng hóa, thành phẩm không thể xuất bán hay xuất khẩu sang thị trường quốc tế làm mất giá trị của hàng hóa và tăng lượng lớn chi phí bảo quản, lưu kho từ đó làm tăng quỹ ước tính DPGG HTK.

Thị trường hàng hóa có nhiều biến động khi tình hình kinh tế lâm vào khủng hoảng do đại dịch Covid-19, yếu tố thời gian dẫn có tác động

rất yếu đến việc ước tính kế toán DPGG HTK. Vì theo kết quả phân tích mô hình hồi quy biến TGD có hệ số  $\beta = 0.055$  và độ tương quan với biến phụ thuộc khá thấp 0.492. Vậy nên, tác giả sẽ bác bỏ giả thuyết H6.

## **5.2. Kiến nghị**

Trong tình hình dịch bệnh Covid-19, sự nâng cao chất lượng hệ thống thông kế giúp cho nhà quản lý, kế toán viên dễ dàng tiếp cận đến thói quen tiêu dùng, dễ dàng theo dõi chu trình sản xuất, lưu thông của hàng hóa góp phần tăng tính đúng đắn, hợp lý và kịp thời của ước tính kế toán DPGG HTK.

Đối với các mặt hàng có tính đặc thù cao (tính chất hàng hóa đặc biệt: có giá trị (giá bán) lớn hơn nhiều mức độ hữu ích của sản phẩm, hàng hóa cần được gia tăng trích lập dự phòng, bởi vì dịch bệnh kéo dài làm cho nhu cầu tiêu dùng của người mua thay đổi, dẫn đến sự mất cân bằng cung - cầu trên thị trường hàng hóa, khiến cho các sản phẩm bị mất giá trị, lỗi thời không còn được ưa chuộng, từ đó làm giảm giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Khi dịch bùng phát sự lưu thông hàng hóa trên thị trường bị đứt gãy làm cho tốc độ đáp ứng hàng hóa chậm hơn tốc độ chuyển dịch nhu cầu của người tiêu dùng khiến cho hàng hóa bị mất giá trị. Vì thế, các kế toán viên, nhà quản trị cần gia tăng mức trích lập DPGG HTK nếu doanh nghiệp có ý định gia tăng hoạt động kinh doanh mua bán dựa trên sự gia tăng nhu cầu của người tiêu dùng.

Việc dự đoán xu hướng thị trường hàng hóa trong tương lai trong giai đoạn Covid-19 là công việc khó khăn đòi hỏi nhân viên phải thường xuyên cập nhật các thông tin về kinh tế, chính trị trong và ngoài nước để có được cái nhìn tổng quan hơn về thị trường hàng hóa ■

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Giáp Đăng Kha, (2018). Ảnh hưởng của ước tính kế toán tài sản cố định hữu hình đến báo cáo tài chính doanh nghiệp. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 45, 3-7.
2. Trần Xuân Quỳnh, Nguyễn Lê Đình Quý. (2021). The impacts of COVID-19 pandemic on retailing in Vietnam: current situations and recommendations. *Science & Technology Development Journal - Economics - Law and Management*, 5(2), 1395-1403

3. Baruch Lev, Siyi Li, Theodore Sougiannis. (2010). The usefulness of accounting estimates for predicting cash flows and earnings. *Review of Accounting Studies*, 15, 779-807.
4. Xin Chen, Melvyn Sim, David Simchi-Levi and Peng Sun. (2006). Risk aversion in inventory management. *Operations Research*, 55(5), 828-842.
5. Evelyne Kambura Ngatuni. (2018). Factors affecting inventory management in manufacturing industry in Kenya a case study of unga group limited. Retrieved from: <https://core.ac.uk/download/pdf/220096746.pdf>

**Ngày nhận bài: 5/5/2022**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/6/2022**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 15/6/2022**

*Thông tin tác giả:*

**1. HUỲNH NGỌC MINH TUYỀN<sup>1</sup>**

**2. ĐỖ TẤN ĐẠT<sup>1</sup>**

**3. BÙI THANH LONG<sup>1</sup>**

**4. NGUYỄN THỊ DIỄM TRINH<sup>1</sup>**

<sup>1</sup>Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Trà Vinh

## FACTORS AFFECTING THE ACCOUNTING ESTIMATE OF PROVISION FOR DECLINE IN INVENTORIES AT TRADING AND SERVICES COMPANIES IN THE MEKONG DELTA

● HUYNH NGOC MINH TUYEN<sup>1</sup>

● DO TAN DAT<sup>1</sup>

● BUI THANH LONG<sup>1</sup>

● NGUYEN THI DIEM TRINH<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Faculty of Economics and Law, Tra Vinh University

### ABSTRACT:

This study analyzes the factors affecting the accounting estimate of provision for decline in inventories at trading and services companies in the Mekong Delta, Vietnam. The study finds out that these following factors including consumption demand, accounting information system, staff capacity, government policy, and nature of inventories all strongly impact the accounting estimate of provision for decline in inventories. Based on these results, some governance implications are proposed to help managers and accountants of trading and service companies in the Mekong Delta in preparing financial statements under the impacts of COVID-19 pandemic.

**Keywords:** provision for decline in inventories, inventories, trade, services.